

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 49/2023/DSST

Ngày : 02/6/2023.

V/v: “Yêu cầu ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ván.

Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Song – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân – gia đình sơ thẩm thụ lý số: 330/2022/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022, về việc: “Yêu cầu ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày: 15/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: PTND, sinh năm: 1985 – (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 10, ấp 7, xã HH, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: TVT, sinh năm: 1979 – (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 10, ấp 7, xã HH, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ VIỆC

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2022, bản khai, biên bản hòa giải trong quá trình tố tụng tại tòa án và tại phiên tòa. Nguyên đơn chị PTND trình bày: Chị D kết hôn với anh T vào tháng 3/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HH, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện không có ai mai mối, ép buộc.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng vẫn tự dàn xếp được với nhau. Đến năm 2022 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng không hòa giải được nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau, mặc dù hai bên đã hòa giải, giàn xếp với nhau nhưng không được. Vì vậy, từ tháng 7/2022 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về kinh tế lẫn tình cảm.

Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị D yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung với nhau, cháu tên là: TTK, sinh ngày: 08/4/2007 và TKL, sinh ngày: 12/3/2011. Hiện nay đang sống cùng với chị D. Nếu ly hôn chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D tự thỏa thuận giải quyết với anh T, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị D vẫn giữ nguyên ý kiến: Yêu cầu ly hôn với anh T, yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai, biên bản hòa giải trong quá trình tố tụng tại tòa án và tại phiên tòa. Bị đơn anh TVT trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn anh T công nhận đúng như chị D đã trình bày. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được đến tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D đi dự sinh nhật về trễ, anh T nóng nảy

nên có lớn tiếng chửi bới chị D. Vì vậy, chị D dẫn con bỏ nhà đi nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh T không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng về đoàn tụ để lo cho con cái.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung với nhau, cháu tên là: TTK, sinh ngày: 08/4/2007 và TKL, sinh ngày: 12/3/2011. Hiện nay đang sống cùng với chị D. Nếu ly hôn anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị D nuôi con thì anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Nếu ly hôn, anh T tự thỏa thuận giải quyết với chị D, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn giữ nguyên ý kiến: Không đồng ý ly hôn với chị D. Nếu ly hôn yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Nếu ly hôn, anh T tự thỏa thuận giải quyết với chị D, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của vị đại diện VKS tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và HĐXX: Thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng theo những quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Tuy nhiên, thời hạn xét xử còn vi phạm quy định của Khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, cần rút kinh nghiệm.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của đương sự: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, việc chấp hành pháp luật yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị PTND khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị D ly hôn với anh TVT. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị D và anh T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định (Bút lục số: 04) nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Về mâu thuẫn vợ chồng: mặc dù các bên trình bày nguyên nhân mâu thuẫn có khác nhau, nhưng đều thừa nhận là có mâu thuẫn nên đã sống ly thân nhau từ tháng 07/2022 cho đến nay, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế (Bút lục số: 39,41,42,43). Như vậy, trên thực tế cuộc sống hôn nhân giữa chị D, anh T đã không còn tồn tại từ tháng 07/2022 cho tới nay. Điều đó chứng tỏ giữa chị D và anh T không còn yêu thương, tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị D yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của chị D. Về hôn nhân chị D được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung là: TTK, sinh ngày: 08/4/2007 và TKL, sinh ngày: 12/3/2011, hiện nay đang sống cùng với chị D. Nếu ly hôn cả chị D và anh T đều yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Xét thấy: Kể từ khi ly thân cho đến nay cháu K, cháu L được chị D trực tiếp nuôi dưỡng, nếu giao cho anh T nuôi dưỡng thì sẽ làm xáo trộn nếp sống, sinh hoạt bình thường của các cháu. Mặt khác, việc chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K, cháu L (Bút lục số: 38). Vì vậy, giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 chung là phù hợp. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, cháu L.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị D tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, HĐXX không xem xét, nếu sau này các bên có tranh chấp về vấn đề này thì khởi kiện vụ kiện dân sự khác theo quy định.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Cả chị D, anh T đều chưa yêu cầu Tòa án giải quyết (Bút lục số: 39,41,43). Do đó, HĐXX không xem xét, nếu sau này các bên có tranh chấp về vấn đề này thì khởi kiện vụ kiện dân sự khác theo quy định.

[4] Về án phí: Do là nguyên đơn nên chị D phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 56,58,59,81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị PTND đối với anh TVT.

[1] Về hôn nhân: Chị PTND được ly hôn với anh TVT.

[1.2] Về con chung: Có 02 con chung là: TTK, sinh ngày: 08/4/2007 và TKL, sinh ngày: 12/3/2011. Hiện nay đang sống cùng với chị D.

Chị D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích của con chung trong quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[1.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh T chưa yêu cầu giải quyết.

[2] Về án phí: Chị D phải nộp 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí HNGĐST, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000Đ (Ba trăm ngàn) mà chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011384 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Chị D đã nộp đủ án phí.

[3] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận.

- TAND tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện Xuyên Mộc.
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc.
- UBND xã HH, huyện Xuyên Mộc, tỉnh BR-VT.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Hoàng Ngọc Tuấn